

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HK II - MÔN NGỮ VĂN 8

A. HỆ THỐNG KIẾN THỨC

I/ PHÂN MÔN VĂN

Lập bảng thống kê các văn bản tác phẩm văn học Việt Nam

TT	Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Giá trị nội dung	Giá trị nghệ thuật
1	Nhớ rừng (Thơ mới)	Thế Lữ (1907-1989)	Thơ tám chữ	Mượn lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú để diễn tả sâu sắc nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng và khao khát tự do mãnh liệt của nhà thơ, khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của người dân mất nước thuở ấy.	Bút pháp lãng mạn rất truyền cảm, sự đổi mới câu thơ, vần điệu, nhịp điệu, phép tương phản, đối lập. Nghệ thuật tạo hình đặc sắc.
2	Quê hương (Thơ mới)	Tế Hanh (sinh 1921)	Thơ tám chữ	Tình yêu quê hương trong sáng, thân thiết được thể hiện qua bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển, trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt làng chài.	Lời thơ bình dị, hình ảnh thơ mộc mạc mà tinh tế lại giàu ý nghĩa biểu trưng (cánh buồm - hồn làng, thân hình nông thõ vệt xa xăm, nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ,...)
3	Khi con tu hú	Tố Hữu (1920-2002)	Thơ lục bát	Tình yêu cuộc sống và khát vọng tự do của	Giọng thơ tha thiết, sôi nổi,

	(Thơ Cách mạng)			người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi trong nhà tù.	tưởng tượng rất phong phú, dồi dào.
4	Tức cách Pác Bó (Thơ cách mạng)	Hồ Chí Minh (1890-1969)	Đường luật thất ngôn tứ tuyệt	Tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác Hồ trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ ở Pác Bó. Với Người, làm cách mạng và sống hòa hợp với thiên nhiên là một niềm vui lớn.	Giọng thơ hóm hỉnh, tươi vui, (văn sảng, thật là sang), từ láy miêu tả (chông chênh); vừa cổ điển vừa hiện đại.
5	Ngắm trăng (Vọng Nguyệt; trích Nhật kí trong tù)	Hồ Chí Minh	Thất ngôn tứ tuyệt (chữ Hán)	Tinh yêu thiên nhiên, yêu trăng đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay trong cảnh tù ngục cực khổ, tối tăm.	Nhân hóa, điệp từ, câu hỏi tu từ và đối lập.
6	Đi đường (Tẩu Lộ; trích Nhật kí trong tù)	Hồ Chí Minh	Thất ngôn tứ tuyệt chữ Hán (dịch lục bát)	Ý nghĩa tượng trưng và triết lí sâu sắc: Từ việc đi đường núi gợi ra chân lí đường đời; vượt qua gian lao chông chát sẽ tới thắng lợi vẻ vang.	Điệp từ (tẩu lộ, trùng san), tính đa nghĩa của hình ảnh, câu thơ, bài thơ.
7	Chiếu dời đô (Thiên đô chiếu) (1010)	Lí Công Uẩn (Lí Thái Tổ) (974-1028)	Chiếu - Chữ Hán Nghị	Phản ánh khát vọng về một đất nước độc lập, thống nhất đồng thời phản ánh ý chí tự cường	Kết cấu chặt chẽ, lập luận giàu sức thuyết phục, hài hòa tình - lí: trên

			luận trung đại	của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.	vâng mệnh trời- dưới theo ý dân
8	Hịch tướng sĩ (Dự chur ti tướng hịch văn) (1285)	Hung Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (1231?-1300)	Hịch Chữ Hán Nghị luận trung đại	Tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược (thế kỉ XIII), thể hiện qua lòng căm thù giặc, ý chí quyết chiến quyết thắng, trên cơ sở đó, tác giả phê phán khuyết điểm của các tì tướng, khuyên bảo họ phải ra sức học tập binh thư, rèn quân chuẩn bị sát thát. Bùng bùng hào khí Đông A.	Áng văn chính luận xuất sắc, lập luận chặt chẽ, lí lẽ hùng hồn, đanh thép, nhiệt huyết chứa chan, tình cảm thống thiết, rung động lòng người sâu xa; đánh vào lòng người, lời hịch trở thành mệnh lệnh của lương tâm, người nghe được sáng trí, sáng lòng.
9	Nước Đại Việt ta (trích Bình Ngô đại cáo) (1428)	Ức Trai Nguyễn trãi (1380-1442)	Cáo Chữ Hán Nghị luận trung đại	Ý thức dân tộc và chủ quyền đã phát triển tới trình độ cao, ý nghĩa như một bản tuyên ngôn độc lập: nước ta là đất nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử.	Lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn, xác thực, ý tứ rõ ràng, sáng sủa và hàm súc, kết tinh cao độ tinh thần và ý thức dân tộc trong thời kì lịch

				Kẻ xâm lược phản nhân nghĩa, nhất định thất bại.	sử dân tộc thật sự lớn mạnh; đặt tiền đề, cơ sở lí luận cho toàn bài; xứng đáng là Thiên cổ hùng văn.
10	Bàn luận về phép học (Luận học pháp) (1791)	La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp (1723-1804)	Tấu Chử Hán Nghị luận trung đại	Quan niệm tiến bộ của tác giả về mục đích và tác dụng của việc học tập: học là để làm người có đạo đức, có tri thức góp phần làm hưng thịnh đất nước. Muốn học tốt phải có phương pháp, phải theo điều học mà làm (hành)	Lập luận chặt chẽ, luận cứ rõ ràng; sau khi phê phán những biểu hiện sai trái, lệch lạc trong việc học, khẳng định quan điểm và phương pháp học tập đúng đắn.
11	Thuế máu (trích chương I, Bản án chế độ thực dân pháp) (1925)	Nguyễn Ái Quốc	Phóng sự chính luận Tiếng Pháp Nghị luận hiện đại	Bộ mặt giả nhân giả nghĩa, thủ đoạn tàn bạo của chính quyền thực dân Pháp trong việc sử dụng người dân thuộc địa nghèo khổ làm bia đỡ đạn trong các cuộc chiến tranh phi nghĩa tàn khốc (1914-1918)	Tư liệu phong phú, xác thực, tính chiến đấu rất cao, nghệ thuật trào phúng sắc sảo và hiện đại; mâu thuẫn trào phúng, ngôn ngữ, giọng điệu giễu nhại.

Yêu cầu:

1/ Văn bản thơ:

- *Nắm được tên văn bản, tác giả, thể thơ.*
- *Học thuộc lòng các bài thơ, phân tích nội dung và nghệ thuật.*
- *Nắm được nội dung cụ thể và vẻ đẹp của các tác phẩm trữ tình (vẻ đẹp tâm hồn của những nhà thơ cộng sản như Hồ Chí Minh, Tố Hữu; tâm tư tình cảm của những nhà thơ mới lãng mạn như Thế Lữ, Tế Hanh); vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ ca, vai trò và tác dụng của các biện pháp tu từ trong các tác phẩm trữ tình.*

2/ Văn bản nghị luận:

a. Phân biệt các thể loại: Chiếu - Hịch - Cáo - Tấu

- *Giống nhau: Đều là thể văn chính luận → kết cấu chặt chẽ, lí lẽ, lập luận sắc bén, thường dùng lối văn biền ngẫu.*
- *Khác về mục đích:*
 - + *Chiếu là thể văn vua dùng ban bố mệnh lệnh.*
 - + *Hịch là thể văn vua chúa, tướng lĩnh dùng để cổ động, thuyết phục kêu gọi đấu tranh.*
 - + *Cáo là thể văn vua chúa, thủ lĩnh trình bày chủ trương hay công bố kết quả của một sự nghiệp để mọi người cùng biết.*
 - + *Tấu là thể văn do thân dân dâng gửi lên vua chúa.*
- *Khác về đối tượng sử dụng:*
 - + *Vua, chúa, bề trên dùng: chiếu, hịch, cáo.*
 - + *Quan lại, thân dân: dùng tấu, sớ, biểu.*

b. Nắm được nội dung và đặc điểm nghệ thuật của một số văn bản nghị luận.

- *Về nội dung: thấy được tư tưởng yêu nước, tinh thần chống xâm lăng và lòng tự hào dân tộc của cha ông ta qua những áng văn chính luận nổi tiếng, từ những văn bản thời trung đại như “Chiếu dời đô” của Lí Công Uẩn, “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, “Nước Đại Việt ta” của Nguyễn Trãi, ... đến văn bản thời hiện đại như “Thuế máu” của Nguyễn Ái Quốc.*
- *Về hình thức nghệ thuật: Những nội dung ấy được thể hiện bằng hình thức lập luận chặt chẽ, sắc sảo với giọng văn đanh thép, hùng hồn (Với các thể văn cổ như chiếu, hịch,*

cáo, ... cần nắm được đặc điểm về hình thức như bố cục, câu văn biến ngẫu,.. đã giúp cho việc lập luận chặt chẽ và sáng tỏ như thế nào?)

c. Nắm được những nét chung và riêng của tinh thần yêu nước được thể hiện trong các văn bản “Chiếu dời đô” - Lí Công Uẩn, “Hịch tướng sĩ” -Trần Quốc Tuấn và “Nước Đại Việt ta” (trích Bình Ngô đại cáo) của Nguyễn Trãi.

- Ba văn bản *Chiếu dời đô*, *Hịch tướng sĩ*, *Nước Đại Việt ta* đều được viết bởi những nhân vật lịch sử, ra đời gắn liền với những sự kiện trọng đại trong lịch sử dựng nước giữ nước và đều thấm đượm tinh thần yêu nước nồng nàn. Tinh thần yêu nước ấy trong các văn bản vừa có nét giống nhau vừa có nét khác nhau, tức là vừa thống nhất, vừa đa dạng.

- Cả ba văn bản đều thể hiện ý thức về chủ quyền dân tộc, đều khẳng định nền độc lập dân tộc. Song ở mỗi văn bản, nội dung yêu nước lại có nét riêng

+ Ở “*Chiếu dời đô*” của Lí Công Uẩn nổi bật lên khát vọng xây dựng đất nước vững bền và ý chí tự cường của dân tộc đang trên đà lớn mạnh.

- Ở “*Hịch tướng sĩ*” của Trần Quốc Tuấn là lòng căm thù sôi sục và tinh thần quyết chiến quyết thắng lũ giặc xâm lược.

- Ở “*Nước Đại Việt ta*” (trích *Bình Ngô đại cáo*) của Nguyễn Trãi là sự khẳng định mạnh mẽ nền độc lập trên cơ sở ý thức dân tộc đặc biệt sâu sắc, đồng thời thể hiện niềm tự hào cao độ về sức mạnh chính nghĩa cùng truyền thống lịch sử, văn hoá vẻ vang của dân tộc.

d. Birt khái quát trình tậ l’p lu’n trong các văn b’ñ ngh’s lu’n b’ng các sñ đ. (Nò\c Đ\i Vi-t ta, Bàn lu’n v. phép h’c, H’sch tò\ng sĩ, Chi:u đ’li đô).

II/ PHÂN MÔN TIẾNG VIỆT:

1. Các kiểu câu

CÁC KIỂU CÂU CHIA THEO MỤC ĐÍCH NÓI				
ST T	Kiểu câu	Đặc điểm hình thức	Chức năng chính	Chức năng khác
1	Câu nghi vấn	- Kết thúc bằng dấu chấm hỏi (khi viết). - Có từ nghi vấn: ai, gì, nào, đâu,	- Dùng để hỏi.	- Dùng để cầu khiến, đe dọa, phủ định, khẳng

		bao nhiêu hoặc từ “hay”		định. - Dùng để biểu lộ tình cảm, cảm xúc.
2	Câu cầu khiến	- Kết thúc câu bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm (khi viết). - Có từ cầu khiến: <i>hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào...</i> - Ngữ điệu cầu khiến.	- Dùng để ra lệnh, yêu cầu, răn đe, khuyên bảo.	
3	Câu cảm thán	- Kết thúc câu bằng dấu chấm than (khi viết). - Có từ cảm thán: <i>than ôi, hỡi ơi, chao ôi, trời ơi, biết bao...</i>	- Bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói.	
4	Câu trần thuật	- Kết thúc câu bằng dấu chấm, đôi khi kết thúc bằng dấu chấm lửng (khi viết). - Không có đặc điểm hình thức của câu: nghi vấn, cầu khiến, cảm thán.	- Dùng để kể, thông báo, nhận định, trình bày, miêu tả...	- Dùng để yêu cầu, đề nghị. - Dùng để biểu lộ cảm xúc, tình cảm.
5	Câu phủ định	Có từ ngữ ngữ phủ định như: <i>không, chẳng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có),...</i>	- Dùng để thông báo, xác nhận không có sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (PĐMT). - Phản bác một ý kiến, một nhận định (PĐBB).	

- **Yêu cầu:** Nắm được đặc điểm hình thức, chức năng của các kiểu câu => vận dụng vào việc viết câu, dựng đoạn, bài văn.

2. Hành động nói:

a. Khái niệm: Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.

b. Các kiểu hành động nói

- Hỏi
- Trình bày (báo tin, kể, tả, nêu ý kiến...)
- Điều khiển (câu khiến, đe dọa, thách thức, ...)
- Hứa hẹn.
- Bộc lộ cảm xúc.

c. Cách thực hiện hành động nói:

- Cách dùng trực tiếp (Hành động nói được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó).
- Cách dùng gián tiếp (hành động nói được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính không phù hợp với hành động đó).

- **Yêu cầu:** Nắm khái niệm và các kiểu hành động nói; xác định hành động nói và cách dùng hành động nói trong ngữ cảnh nhất định.

3. Vai xã hội và lượt lời trong hội thoại; ý nghĩa của việc ứng xử đúng vai, điều chỉnh thái độ giao tiếp:

a. Khái niệm vai xã hội trong hội thoại:

- Vai xã hội là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại.
- Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội:
 - + Quan hệ trên – dưới hay ngang hàng (*theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình và xã hội*);
 - + Quan hệ thân – sơ (*theo mức độ quen biết, thân tình*).

b. Chọn cách nói cho phù hợp với vai thoại.

Vì quan hệ xã hội vốn rất đa dạng nên vai xã hội của mỗi người cũng đa dạng, nhiều chiều. Khi tham gia hội thoại, mỗi người cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp.

c. Lược lời trong hội thoại:

- Trong hội thoại ai cũng được nói. Mỗi lần có một người tham gia hội thoại nói được gọi là một lượt lời.

- Để giữ lịch sự, cần tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời hoặc chêm vào lời người khác.

- Nhiều khi, im lặng khi đến lượt lời của mình cũng là một cách biểu thị thái độ.

4. Mục đích của việc lựa chọn trật tự từ trong câu.

HS cần nắm được những tác dụng sau:

- Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật hiện tượng, hoạt động, đặc điểm.

- Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.

- Liên kết câu với những câu khác trong văn bản.

- Đảm bảo sự hài hoà về ngữ âm của lời nói.

5. Chữa lỗi diễn đạt (lỗi lô-gíc)

- **Yêu cầu:** Biết vận dụng lí thuyết vào làm bài tập và xem lại các dạng bài tập đã làm (*câu chia theo mục đích nói, vai xã hội và lượt lời trong hội thoại, lựa chọn trật tự từ trong câu, chữa lỗi diễn đạt lô-gíc*).

III/ PHÂN MÔN TẬP LÀM VĂN:

1. Thuyết minh:

Giới thiệu một phương pháp (cách làm), giới thiệu về một danh lam thắng cảnh.

❖ Danh lam thắng cảnh:

a/ Mở bài: Giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh.

b/ Thân bài: Trình bày chi tiết về vị trí, lai lịch, nguồn gốc, đặc điểm, ý nghĩa (có thể trình bày theo quan hệ thời gian, không gian, theo các sự kiện gắn liền với danh lam đó).

c/ Kết bài: Cảm nghĩ chung về danh lam thắng cảnh hoặc nói về triển vọng phát triển trong tương lai...

❖ Thuyết minh về một phương pháp (cách làm):

a/ Mở bài: Giới thiệu khái quát về vật liệu mà mình chọn làm

b/ Thân bài:

- Nguyên liệu

- Cách làm
- Yêu cầu thành phẩm

c/ Kết bài: Nêu lợi ích của nó đối với con người.

2. Nghị luận: Chứng minh và giải thích. (*Nhận diện các yếu tố biểu cảm, tự sự và miêu tả trong văn nghị luận → vận dụng các yếu tố đó vào làm một bài văn*).

❖ **Chứng minh:** _

- *Chứng minh* là một phép lập luận dùng những lí lẽ, dẫn chứng để chứng tỏ một nhân định, luận điểm nào đó là đúng đắn là đáng tin cậy.

- *Dàn ý* _

a/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần chứng minh

b/ Thân bài:

- Giải thích vấn đề (khi cần thiết): giải thích khái niệm, hoặc nghĩa đen, nghĩa bóng ...

- Đưa dẫn chứng chứng minh các khía cạnh của vấn đề (D/c theo trình tự hợp lí)

+ Dẫn chứng 1 (D/c lịch sử)

+ Dẫn chứng 2 (D/c thực tế)

+ Dẫn chứng 3 (D/c thơ văn)

c/ Kết bài:

- Nhận xét chung về vấn đề (nêu ý nghĩa).

- Rút ra bài học cho bản thân.

❖ **Giải thích:** _

- *Giải thích* là làm cho người đọc hiểu rõ tư tưởng, đạo lí, phẩm chất, quan hệ cần được giải thích nhằm nâng cao nhận thức trí tuệ, bồi dưỡng tư tưởng tình cảm cho con người (nhận thức, hiểu rõ sự vật hiện tượng)

- *Dàn ý*:

a/ Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần giải thích.

b/ Thân bài:

- Giải thích ý nghĩa của vấn đề: giải thích khái niệm, hoặc nghĩa đen, nghĩa bóng (trả lời câu hỏi **là gì? thế nào?** ...)

- Khẳng định tính đúng đắn của vấn đề (trả lời câu hỏi **Vì sao?** Lí lẽ kết hợp với dẫn

chúng).

- Phương hướng, biện pháp vận dụng. (trả lời câu hỏi ***làm gì?*** thực hiện ***như thế nào?*** ***bằng cách nào?***)

c/ Kết bài:

- Nhận xét chung về vấn đề (nêu ý nghĩa, tầm quan trọng)

- Rút ra bài học cho bản thân.

B. BÀI TẬP

I/ PHÂN MÔN VĂN

1. Hãy phân tích nỗi nhớ rừng của con hổ trong bài thơ “*Nhớ rừng*” của *Thế Lữ*.
2. Có ý kiến cho rằng: Trong bài “*Quê hương*” có những chỗ tác giả đã sử dụng những so sánh đẹp, bay bổng và biện pháp nhân hóa độc đáo, thổi linh hồn cho sự vật, khiến sự vật có một vẻ đẹp, một ý nghĩa, một tầm vóc bất ngờ. Em hãy chọn và phân tích một ví dụ mà em thích nhất?
3. Qua bài thơ “*Khi con tu hú*” của nhà thơ *Tố Hữu* em có cảm nhận gì về tâm trạng tác giả?
4. Qua hai bài thơ “*Tức cảnh Pác Bó*” và bài thơ “*Ngắm trăng*”, hình ảnh *Bác Hồ* hiện ra như thế nào?
5. Viết lại bài thơ “*Ngắm trăng*” và cho biết chất “*thép*”, chất “*tình*” thể hiện trong bài thơ này như thế nào?
6. Trên cơ sở so sánh bài “*Sông núi Nước Nam*”, hãy chỉ ra sự nối tiếp nối và phát triển của ý thức dân tộc trong đoạn trích “*Nước Đại Việt ta*”?
7. Vẽ sơ đồ khái quát trình tự lập luận trong các văn bản nghị luận trung đại đã học: *Nước Đại Việt ta*, *Bàn luận về phép học*, *Hịch tướng sĩ*, *Chiếu dời đô*?

II/ PHÂN MÔN TIẾNG VIỆT:

1. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu cho bên dưới.

“*Chị Dậu run run:*

- **Nhà cháu đã túng lại phải đóng cả suất sưu của chú nó nữa, nên mới lòi thoi như thế.** Chứ cháu có dám bỏ bễ tiền sưu của nhà nước đâu? Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khuất...

Cai lệ không để cho chị được nói hết câu, trợn ngược hai mắt, hấn quát:

- **Mày định nói cho cha mày nghe đấy à?** Suu của nhà nước mà dám mở mồm xin khuất!

Chị Dậu vẫn thiết tha:

- **Khốn nạn!** Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại!

Cai lệ vẫn giọng hầm hè:

- Nếu không có tiền nộp suu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!

Rồi hấn quay lại bảo anh người nhà lí trưởng:

- **Không hơi đâu mà nói với nó, trối cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia!”**

(Tắt đèn – Ngô Tất Tố)

a. Các câu in đậm trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu chia theo mục đích nói nào? Xác định hành động nói ở từng kiểu câu? Cho biết hành động nói ở mỗi câu được thực hiện bằng cách nào? (trực tiếp hay gián tiếp)

b. Có mấy nhân vật tham gia cuộc hội thoại trên? Mỗi nhân vật thực hiện mấy lượt lời?

c. Xác định vai xã hội của các nhân vật tham gia cuộc hội thoại?

2. So sánh các câu sau đây rồi trả lời câu hỏi: (câu cầu khiến)

- Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ! (Ngô Tất Tố).

- Chồng tôi đau ốm, ông đừng hành hạ!

- Chồng tôi đau ốm, xin ông chớ hành hạ!

Câu hỏi:

a. Xác định sắc thái mệnh lệnh trong 3 câu trên?

b. Câu nào có sắc thái mệnh lệnh rõ nhất? Vì sao?

3. Đặt các câu cảm thán có các từ: trời ơi, hỡi ơi, chao ôi, biết bao, thay.

4. Nêu tác dụng của việc sắp xếp trật tự từ của những từ in đậm trong các câu sau:

a/ Từ **Triệu, Đình, Lí, Trần** bao đời gây nền độc lập

Cùng **Hán, Đường, Tống, Nguyên** mỗi bên xưng đế một phương.

b/ Ngoài thêm **rơi** cái lá đa

Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng.

c/ Mua mấy xu chè tươi với mấy quả cau. Người ta đến, cũng phải có *bát nước, miếng trầu* thơm tất chứ.

d/ Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam *dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang*.

5. Phát hiện và chữa lỗi diễn đạt (lỗi lô gic) trong những câu sau:

a/ Nó không chỉ ngoan ngoãn mà còn rất lễ phép.

b/ Tuy trời mưa nhưng đường lầy lội.

III/ PHÂN MÔN TẬP LÀM VĂN:

Đề 1 Hiện nay, các bạn học sinh ít dành thời gian cho việc đọc sách. Hãy viết một bài văn nghị luận giúp các bạn thấy rõ lợi ích của việc đọc sách.

Đề 2: Hồ chủ tịch dạy: “*Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy.*” Em hiểu lời dạy trên như thế nào?

Đề 3: Trò chơi điện tử là một thú tiêu khiển rất hấp dẫn các bạn trẻ đặc biệt là lứa tuổi học sinh. Nhiều bạn ham mê điện tử mà sao những học tập thậm chí còn phạm những sai lầm nghiêm trọng. Em có suy nghĩ gì về vấn đề trên.

Đề 4: Hãy viết một bài văn nghị luận đề nêu rõ tác hại của một trong các tệ nạn xã hội mà chúng ta cần phải kiên quyết và nhanh chóng bài trừ như *cờ bạc, tiêm chích ma túy, hoặc tiếp xúc với văn hóa phẩm không lành mạnh, ...*

Đề 5: Vấn đề trang phục học sinh và văn hóa. Chạy đua theo mốt không phải là người học sinh có văn hóa.

Đề 6: Lợi ích của việc đi bộ.

Đề 7: Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất lớn nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường. Bằng những hiểu biết của mình, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Đề 8: Bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.

Đề 9: Bạo lực học đường ở học sinh.

Một số dàn ý tham khảo:

Đề 1: Hiện nay, các bạn học sinh ít dành thời gian cho việc đọc sách. Hãy viết một bài văn nghị luận giúp các bạn thấy rõ lợi ích của việc đọc sách.

a. Mở bài: Giới thiệu và nêu vấn đề cần nghị luận

b. Thân bài:

* Luận điểm 1: Sách là gì? Thế nào là đọc sách?

- Sách ghi chép đầy đủ, có đúc kết và lưu truyền mọi tri thức, mọi thành tựu mà loài người tìm tòi, tích lũy được.

- Những sách có giá trị - cột mốc trên con đường phát triển của nhân loại

- Sách là kho tàng kinh nghiệm của con người nung nấu, thu lượm mấy nghìn năm.

- Đọc sách là con đường quan trọng của học vấn.

* Luận điểm 2: Đọc sách có lợi gì?

- Đọc sách là con đường tích lũy, nâng cao vốn tri thức.

- Là sự chuẩn bị để con người làm một cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn.

- Không có sự kế thừa cái đã qua, không thể tiếp thu cái mới.

➔ Việc đọc sách có một ý nghĩa to lớn: ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích lũy mấy nghìn năm..... là sự hưởng thụ các kiến thức, thành quả của bao người đã khổ công tìm kiếm mới thu nhận được. Đó còn là việc tiếp thu thành quả của quá khứ làm cơ sở để phát triển xã hội hôm nay.

* Luận điểm 3: Đọc sách như thế nào để đạt hiệu quả?

- Không tham đọc nhiều, đọc lung tung mà chọn lựa kỹ, đọc kỹ những quyển sách có giá trị.

- Cần đọc kỹ các cuốn thuộc lĩnh vực chuyên môn có ích cho mình.

- Không nên xem thường việc đọc loại sách thường thức...gần gũi, kế cận với chuyên môn của mình.

- Không nên đọc lấy số lượng mà phải vừa đọc, vừa suy ngẫm

(Trầm ngâm, tích lũy, tưởng tượng)

- Đọc có kế hoạch, có hệ thống, không đọc tràn lan.

- Kết hợp giữa đọc rộng với đọc sâu.

- Những tác hại dễ gặp khi đọc sách:

+ Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu, dễ sa vào lối "ăn tươi nuốt sống" chứ

không biết tiêu hóa, nghiền ngẫm.

+ Sách nhiều khiến người ta khó lựa chọn, lãng phí thời gian và sức lực với những cuốn sách không có ích.

→ Rèn luyện tính kiên trì, làm việc có kế hoạch, khiêm tốn, làm việc có chất lượng, chân thực ... Đối với người mới lập nghiệp thì đọc sách là một công việc rèn luyện, một cuộc chuẩn bị âm thầm và gian khổ. Đọc sách vừa học tập tri thức vừa rèn luyện nhân cách, chuyện học làm người.

c. Kết bài: Nêu thực trạng của việc đọc sách của thanh thiếu niên hiện nay và khẳng định lại lợi ích của việc đọc sách.

- Không thích đọc sách, nếu có đọc chỉ đọc truyện tranh hình nhiều chữ ít, đọc qua loa cho có, không trau dồi được vốn từ -> Không biết làm văn.

- Sách như người bạn, người thầy. Vì vậy các bạn nên yêu sách và thường xuyên đọc sách.

* **Đề 2:**

Hồ chủ tịch dạy: “Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy.” Em hiểu lời dạy trên như thế nào?

a. Mở bài:

- Trong xã hội thời phong kiến với lối học từ chương làm cản trở bước tiến hóa xã hội. Nhận thức được sai lầm đó, Hồ Chủ tịch đã khuyên dạy chúng ta: “Học với hành phải đi đôi với nhau. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy”

- Giới hạn đề: Giải thích vấn đề trên.

b. Thân bài:

a. Giải thích ý nghĩa:

1. Học là gì? - Là tiếp thu kiến thức lí luận.
2. Hành là gì? - Là làm, là thực hành, ứng dụng kiến thức...
3. Học với hành phải đi đôi là gắn bó với nhau là một.

b. Trình bày các lí lẽ:

1. Học mà không hành thì học vô ích:

- Hành là mục đích và là phương pháp của học.
- Chỉ học lí thuyết suông, không vận dụng vào thực tiễn chẳng để làm gì.

2. Hành mà không học thì hành không trôi_chảy

- Hành mà không có lí luận chỉ đạo, lí thuyết soi sáng, kinh nghiệm dẫn dắt thì lúng túng.
- Hành mà không học chỉ là phá hoại.

c. Phương hướng vận dụng:

1. “Học” cái gì và “học” như thế nào?

- Học ở sách vở, học trong thực tế, học ở kinh nghiệm người đi trước.
- Học siêng năng, chăm chỉ, có thực hành.

2. “Hành” cái gì và “hành” như thế nào? Học kết hợp với hành ra sao?

- Vận dụng điều đã học vào thực tế cuộc sống.
- Học để nắm vững lí thuyết, hành để kiểm nghiệm.
- Trong thực hành, kiến thức được củng cố và phát triển.

c. Kết bài:

- Học với hành phải đi đôi là nguyên lí, là phương châm, là phương pháp học tập của chúng ta.
- Nêu quyết tâm của người học sinh đối với vấn đề đó.

Đề 3: Trò chơi điện tử là một thú tiêu khiển rất hấp dẫn các bạn trẻ đặc biệt là lứa tuổi học sinh. Nhiều bạn ham mê điện tử mà sao nhãng học tập thậm chí còn phạm những sai lầm nghiêm trọng. Em có suy nghĩ gì về vấn đề trên

*** Mở bài:** Nêu hiện tượng trò chơi điện tử rất hấp dẫn giới trẻ gây tác hại rất lớn

Biểu hiện: Sao nhãng học tập, thậm chí còn phạm những sai lầm nghiêm trọng.

*** Thân bài:**

- Nêu tình hình thực trạng của trò chơi điện tử:

+ Là trò chơi tiêu khiển hấp dẫn giới trẻ, có tác dụng.....

+ Các tiệm net mọc tràn lan ở mọi nơi, thu hút một số lượng không nhỏ giới trẻ, nhất là tầng lớp học sinh...

+ Một số bạn đã trở thành con nghiện.....

- Nguyên nhân: Bản thân không kiềm chế, có tính tò mò, bạn bè rủ rê, gia đình quản lí

lông lẻo, chính quyền địa phương chưa có biện pháp chặt chẽ trong việc quản lí các quán điện tử.

- Tác hại: Mắc các bệnh về mắt, suy sụp về tinh thần, sao nhãng học tập, chán học, bỏ học, nói dối cha mẹ, ăn cắp ăn trộm ...

- Giải pháp: Tự kiểm chế bản thân, cha mẹ quản lí giờ giấc của con cái, tham gia các hoạt động bổ ích: Văn nghệ, thể thao ...

* **Kết bài:** Nhận định của bản thân về hiện tượng – Rút kinh nghiệm cho bản thân.

Đề 4: Nói không với tệ nạn xã hội

I. Mở bài:

Đất nước chúng ta đang trên con đường công nghiệp hoá,hiện đại hóa để tiến tới 1 xã hội công bằng dân chủ văn minh. Để làm được điều đó, chúng ta phải vượt qua các trở ngại, khó khăn. Một trong những trở ngại đó là các tệ nạn xã hội. Và đáng sợ nhất chính là ma tuý.

II. Thân bài

1. Giải thích

- Thế nào là tệ nạn xã hội. Tệ nạn xã hội là những hành vi sai trái, không đúng với chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức, pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng. Tệ nạn xã hội là mối nguy hiểm, phá vỡ hệ thống xã hội văn minh, tiến bộ, lành mạnh. Các tệ xã hội thường gặp là: tệ nạn ma tuý, mại dâm, đua xe trái phép...và trong đó ma túy là hiện tượng đáng lo ngại nhất, không chỉ cho nước ta mà còn cho cả thế giới.

- Ma túy là một chất gây nghiện có nguồn gốc tự nhiên hay tổng hợp khi ngấm vào cơ thể con người, nó sẽ làm thay đổi trạng thái, ý thức, trí tuệ và tâm trạng của người đó, khiến người sử dụng có cảm giác lâng lâng, không tự chủ được mọi hành vi hoạt động của mình, ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ.

- Ma túy tồn tại ở rất nhiều dạng như hồng phiến, bạch phiến, thuốc lắc ... dưới nhiều hình thức tinh vi khác nhau như uống, chích, kẹo...

2. Tại sao phải bài trừ ma túy

- Vì đây là 1 tệ nạn có ảnh hưởng xấu đến môi trường sống, đến đời sống khoa học, chính trị, xã hội. Nghiện ma túy khiến cho 1 người u mê, tăm tối; từ 1 người khoẻ mạnh trở nên

bệnh tật, từ 1 đứa con ngoan trong gia đình trở nên hư hỏng, từ 1 công dân tốt của xã hội trở thành đối tượng cho luật pháp. Khi đói thuốc, con nghiện sẽ làm bất cứ điều gì kể cả tội ác: cướp giết, trộm cắp, giết người... Thậm chí người thân trong gia đình cũng trở thành nạn nhân của những con nghiện khi đói thuốc. Bởi vậy ma túy đã làm tan vỡ hạnh phúc của biết bao gia đình, ảnh hưởng to lớn đến xã hội.

- Người nghiện ma túy sức khoẻ yếu dần, không có khả năng lao động, trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội.

- làm mất vẻ mỹ quan, văn minh lịch sự của xã hội.

- Những con nghiện mà không được gia đình chấp nhận sẽ đi lang thang, vất vờ trên những con đường

- Ma túy cũng chính là con đường dễ dàng đi đến những căn bệnh nguy hiểm dễ lây lan như: HIV/AIDS, lao phổi...

-> Khiến cho an ninh, trật tự bất ổn, tội phạm gia tăng, làm hư hỏng nhiều thế hệ, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế đất nước về mọi mặt: an ninh, quốc phòng... Khi đã mắc vào tệ nạn này sẽ không thể rút ra được.

3. Làm sao để nói không với ma túy?

- Hãy tránh xa với ma túy bằng mọi cách, mọi người nên có ý thức sống lối sống lành mạnh, trong sạch, không xa hoa, luôn tỉnh táo, đủ bản lĩnh để chống lại mọi thử thách, cám dỗ của xã hội.

- Nhà nước cần phải có những hình thức xử phạt nghiêm khắc, triệt để đối với những hành vi tàng trữ, buôn bán vận chuyển trái phép ma túy.

- Đồng thời cũng phải đưa những người nghiện vào trường cai nghiện, tạo công ăn việc làm cho họ, tránh những cảnh "nhà cư vi bất thiện", giúp họ nhanh chóng hoà nhập với cuộc sống cộng đồng, không xa lánh, kì thị họ.

- Tham gia các hoạt động truyền thống tệ nạn xã hội.

III. Kết bài:

- Rút ra kết luận

- Nêu ra suy nghĩ của bản thân

Đề 6: Lợi ích của việc đi bộ

MB: Trong cuộc sống hiện đại, con người ngày càng bận rộn, ít vận động, việc dành thời gian để tập luyện một môn thể thao nào đó để rèn luyện sức khỏe đôi khi rất khó thực hiện.

Nhưng không phải ai cũng biết đi bộ là hằng ngày là hình thức tập luyện đơn giản nhất nhưng cũng mang lại lợi ích to lớn đối với mỗi người.

TB:

*** Đi bộ đem lại lợi ích gì?**

a. Giúp tăng cường sức khỏe:

- Giúp kiểm soát trọng lượng cơ thể, giảm khối lượng mỡ dư thừa trong cơ thể, giúp có một thân hình cân đối, khỏe mạnh.

- Bảo vệ xương, làm cho xương chắc khỏe, giúp ngăn chặn loãng xương nhờ vận động nhẹ nhàng đều đặn, hệ xương được nuôi dưỡng tốt, khả năng hấp thụ canxi và phospho được tăng cường

- Đi bộ có tác dụng rất tốt cho hệ hô hấp và hệ tuần hoàn, do đó làm giảm nguy cơ mắc các bệnh như: bệnh mạch vành, đột quỵ, tăng huyết áp,... Ngoài ra còn làm giảm cholesterol ở những người có nồng độ cholesterol cao trong máu, giảm nguy cơ mắc bệnh tiểu đường không phụ thuộc insulin, nguy cơ mắc ung thư đại tràng,...

- Đi bộ vào buổi tối có thể đem lại một giấc ngủ ngon, ngủ sâu

b. Nâng cao tinh thần:

- Tăng sự hưng phấn, chống trầm cảm lo âu, vừa đi vừa nói chuyện với bạn bè làm cho tinh thần sáng khoái, tạo mối quan hệ thân mật, gần gũi với những người xung quanh.

- Thêm yêu đời và yêu cuộc sống.

c. Trau dồi vốn hiểu biết:

- Có điều kiện quan sát kỹ hơn về thế giới xung quanh, giúp tăng cường vốn hiểu biết về tự nhiên và mọi mặt của đời sống xã hội.

*** Đi bộ như thế nào?**

- Mỗi ngày dành một thời gian nhất định: từ 30 -> 60p, lúc sáng sớm hoặc chiều tối

- Trước khi đi bộ nên chú ý chuẩn bị quần áo, dày dép phù hợp:
- Khi đi bộ đầu luôn giữ thẳng và hướng về trước, thẳng lưng, vai và cánh tay nên để thoải mái, khi đi nên đánh tay một cách tự nhiên.
- Điều quan trọng là cần phải luyện tập thật đều đặn và thường xuyên.

KB: Khẳng định lại vai trò của việc đi bộ, lời khuyên.

Đề 7: Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất lớn nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường. Bằng những hiểu biết của mình, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

I. Mở bài

Vấn đề môi trường sống của con người trên trái đất đã và đang bị ô nhiễm là một vấn đề cấp bách đối với bất kì quốc gia nào. Vì nó gây ra những hiện tượng biến đổi khí hậu dẫn đến những thảm họa thiên tai khủng khiếp. Ở Việt Nam sự ô nhiễm môi trường là báo động. Chúng ta cần nhận thức vấn đề này như thế nào? Thực trạng, nguyên nhân, hậu quả, và giải pháp để giải quyết vấn đề này thế nào, chúng ta hãy cùng bàn luận.

II. Thân bài

Môi trường sống của con người là một khái niệm rộng. Nó bao gồm tất cả các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến cuộc sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và mọi sinh vật trên trái đất. Môi trường có hai loại chính: đó là môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Môi trường tự nhiên: bao gồm các thành phần tự nhiên như địa hình, địa chất, đất trồng, khí hậu, nước, sinh vật,... Môi trường xã hội: là tổng thể các mối quan hệ giữa con người với con người, quan hệ cá nhân với cộng đồng thể hiện bằng luật pháp, thể chế, cam kết, quy định,...

1. Hiện trạng môi trường sống của chúng ta:

- Ô nhiễm nguồn không khí: các nhà máy đã và đang thải ra môi trường không khí một nguồn cacbonic khổng lồ, các loại axit, các loại khí gây hiệu ứng nhà kính, khói bụi xe hơi và các loại động cơ khác,... đã ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và chất lượng cuộc sống của con người, nó gây ra nhiều bệnh về đường hô hấp,...
- Ô nhiễm nguồn nước: hiện nay thế giới và đặc biệt là Việt Nam đã bị ô nhiễm nguồn nước, nhu cầu về nước uống và nước sinh hoạt ở nhiều vùng miền đang bị thiếu nghiêm trọng, số lượng người được sử dụng nước sạch chiếm tỉ lệ không lớn. Các nguồn nước: ao,

hồ, sông, suối, biển cả đại dương, nguồn nước ngầm, nước mưa,...

- Ô nhiễm nguồn đất: đất đai ngày càng bị thoái hoá, bị rửa trôi, rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt, rác thải bệnh viện,... đã và đang làm cho nguồn đất đai bị cạn kiệt, khô cằn....

- Ô nhiễm về ánh sáng, âm thanh tiếng ồn tại các đô thị lớn trong các dịp lễ tết của Việt Nam và thế giới thì sự quá tải về cường độ và loại ánh sáng... đã gây ra các bệnh lí về mắt: âm thanh của các loại động cơ quá lớn đặc biệt ở các đô thị lớn cũng ảnh hưởng rất nhiều đến chất

lượng cuộc sống của con người.

2. Nguyên nhân - Hậu quả:

a. Nguyên nhân

* Khách quan:

- Tình trạng nóng lên của trái đất gây ra những biến động lớn về khí hậu toàn cầu dẫn đến các hiểm họa thiên tai ngày càng khủng khiếp: lũ lụt, động đất, sóng thần, hạn hán, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp...

- Tình trạng chặt phá rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, diện tích bao phủ bị giảm nghiêm trọng, nó gây ra biến đổi khí hậu: ví dụ bão lũ tại các tỉnh miền Trung Việt Nam tháng 10 năm 2009 gây ra những hậu quả nghiêm trọng về người và tài sản quốc dân...

- Luật pháp chưa thực sự nghiêm minh, chưa đủ mạnh để ngăn chặn mọi sự vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường...

* Chủ quan:

- Ý thức của con người không tôn trọng luật pháp bảo vệ môi trường.

- Vì lợi nhuận kinh tế trước mắt mà các công ti, nhà máy xí nghiệp đã bất chấp luật pháp thải ra môi trường, nước thải công nghiệp chưa qua xử lí, rác thải công nghiệp, rác thải y tế, rác thải sinh hoạt không phân huỷ được,...

- Nhận thức của con người về ô nhiễm môi trường còn rất hạn chế...

b. Hậu quả:

- Ô nhiễm môi trường nước – sản xuất, sinh hoạt bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Nhiều loại dịch bệnh xuất hiện.

- Ô nhiễm môi trường đất ảnh hưởng xấu đến cây trồng, vật nuôi và con người.
- Ô nhiễm môi trường không khí: gây ra rất nhiều loại bệnh về đường hô hấp....

3. Giải pháp:

- Khắc phục những nguyên nhân trên (phân tích và dẫn chứng)
- Nêu một số quốc gia, thành phố, các vùng miền trên thế giới và Việt Nam có môi trường xanh - sạch - đẹp để lấy làm mô hình áp dụng cho những nơi có môi trường ô nhiễm.
- Hệ thống pháp lí, chế tài nghiêm minh để xử phạt thích đáng cho các cá nhân và tổ chức vi phạm.
- Giáo dục ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường.

III. Kết bài:

- Việt Nam - một nước đang phát triển, vấn đề ô nhiễm mt là 1 vấn đề hết sức cấp bách...
- Cần phải thực hiện các giải pháp trên một cách đồng bộ, thường xuyên để khắc phục những hậu quả của sự ô nhiễm mt, tạo ra mt sống trong lành cho con người,...
- Bài học cho mỗi người

Đề 8: Chứng minh rằng: *Bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.*

MB:

Rừng là tài nguyên vô giá đem lại lợi ích lớn cho con người.

Bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chính chúng ta.

TB: Chứng minh:

- Rừng đem đến cho con người nhiều lợi ích:

- + Là lá phổi xanh của trái đất, giúp điều hoà khí hậu, thanh lọc không khí.
- + Chống xói mòn đất, ngăn chặn lũ lụt
- + Là nguồn cung cấp gỗ, lâm thổ sản, thuốc chữa bệnh
- + Là viện bảo tàng tự nhiên học, là cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp, là khu du lịch nghỉ mát

- Hậu quả của việc rừng bị tàn phá

- + Tình trạng rừng hiện nay bị tàn phá nặng nề, diện tích ngày càng bị thu hẹp.
- + Nguyên nhân: do bọn lâm tặc, do cuộc sống du canh, du cư của đồng bào dân tộc, ý thức kém của một số người...

+ Hậu quả của việc rừng bị tàn phá. (gây lũ lụt, xói mòn, sạt lở đất, mất cân bằng sinh thái...)

KB:

- Việc bảo vệ rừng là vô cùng quan trọng.

- Nhiệm vụ của mỗi chúng ta.

Đề 9: Bạo lực học đường ở học sinh

Mở bài:

- Giới thiệu và nêu vấn đề cần nghị luận: **Bạo lực học đường ở học sinh.**

Thân bài:

a/ Bạo lực học đường là gì?

- Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý, đạo lý, xúc phạm trấn áp người khác gây nên những tổn thương về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học.

- Bạo lực học đường hiện nay có xu hướng gia tăng nhanh chóng, diễn ra ở nhiều nơi do đó đang trở thành một vấn nạn của xã hội.

b/ Biểu hiện của hành động bạo lực học đường có thể xảy ra dưới nhiều hình thức như:

- Xúc phạm, lăng mạ, xỉ nhục, đay nghiến, chà đạp nhân phẩm, làm tổn thương về mặt tinh thần con người thông qua lời nói.

- Đánh đập, tra tấn, hành hạ, làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể con người thông qua những hành vi bạo lực.

- Dẫn chứng:

+ Chỉ cần một thao tác rất nhanh trên google ta có thể tìm thấy hàng loạt các clip bạo lực của nữ sinh: Ở Phú Thọ, nữ sinh đánh bạn bằng giày cao gót; ở Hà Nội; Ở TPHCM, Nghệ An...

+ Học sinh có thái độ không đúng mực với thầy cô giáo, dùng dao đâm chết bạn bè, thầy cô...

+ Lập nên các nhóm hội hoạt động đánh nhau có tổ chức.

c/ Nguyên nhân dẫn đến nạn bạo lực học đường:

- Xảy ra vì những lí do trực tiếp rất không đâu: Nhìn đêu, nói móc, tranh giành người yêu,

không cùng đẳng cấp...

- Sự phát triển thiếu toàn diện, thiếu hụt về nhân cách, thiếu khả năng kiểm soát hành vi ứng xử của bản thân, non nớt trong kỹ năng sống, sai lệch trong quan điểm sống.

- Do ảnh hưởng từ môi trường văn hóa bạo lực: phim, ảnh, sách, báo, đồ chơi mang tính bạo lực (kiếm, súng...)

- Sự giáo dục chưa đúng đắn, thiếu quan tâm của gia đình; tình trạng bạo lực trong gia đình cũng là một phần nhân tố ảnh hưởng không tốt. Và một khi bạo lực gia đình vẫn còn tồn tại thì bạo lực học đường sẽ vẫn còn có nguy cơ gia tăng.

- Sự giáo dục trong nhà trường: nặng về dạy kiến thức văn hóa, đôi khi lãng quên nhiệm vụ giáo dục con người “*tiên học lễ hậu học văn*”.

- Xã hội thờ ơ, dửng dưng, buông xuôi, chưa có sự quan tâm đúng mức, những giải pháp thiếu thiết thực, chưa đồng bộ, triệt để.

d/ Bao lực học đường dẫn đến những tác hại như:

- Với nạn nhân:

+ Tổn thương về thể xác và tinh thần.

+ Tổn hại đến gia đình, người thân, bạn bè người bị hại.

+ Tạo tính bất ổn trong xã hội: tâm lý lo lắng bất an bao trùm từ gia đình, nhà trường, đến xã hội.

- Người gây ra bạo lực:

+ Con người phát triển không toàn diện: phát triển ngược trở lại phía “con”, đi ngược lại tính “người” và mất dần nhân tính.

+ Mầm mống của tội ác mất hết tính người sau này.

+ Làm hỏng tương lai chính mình, gây nguy hại cho xã hội.

+ Bị mọi người lên án, xa lánh, căm ghét.

e/ Đề xuất biện pháp khắc phục.

- Đối với những người gây ra bạo lực học đường: cố gắng mở rộng nâng cao nhận thức:

+ Giữ cho trái tim luôn ấm nóng tình yêu thương.

+ Địa ngục do ta mà có, thiên đường cũng do chính ta tạo nên cần ý thức rõ ràng về hành động và hậu quả của hành động do bản thân thực hiện.

+ Nơi lạnh nhất ko phải là bắc cực mà là nơi không có tình thương và nhận thức rõ vai trò sức mạnh của tình người.

- Xã hội cần có những giải pháp đồng bộ, chặt chẽ giáo dục con người trong gia đình, nhà trường, trong toàn xã hội; coi trọng dạy kỹ năng sống, vươn tới những điều chân thiện mỹ.

- Có thái độ quyết liệt phê phán răn đe, giáo dục cải tạo, biện pháp trừng phạt kiên quyết làm gương cho người khác.

Kết bài: Khẳng định vấn đề:

- Hiện tượng trên chỉ là một phần rất nhỏ của xã hội nên không phải vì thế mà chúng ta mất đi niềm tin vào con người vào thế hệ trẻ. Cần nhân rộng những tấm lòng cao cả, nêu gương người tốt việc tốt điển hình. Hình thành thái độ đồng cảm, sẻ chia, yêu thương giúp con người nói chung, thế hệ trẻ nói riêng tiến tới những vẻ đẹp nhân cách chân thiện mỹ, phát huy những truyền thống nhân ái, nhân đạo từ ngàn xưa trước khi chúng ta phải đối phó với căn bệnh vô cảm.

- Có quan điểm nhận thức, hành động đúng đắn, hình thành những quan niệm sống tốt đẹp...